

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 354/2019/DS-PT

Ngày 15/10/2019

V/v Tranh chấp QSD đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Mỹ

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2019/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 353/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1966;

Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Trần Văn G, sinh năm: 1928;

Ông Trần Văn G ủy quyền cho ông Trần Văn B, theo văn bản ủy quyền ngày 21/6/2018.

Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm: 1966;

2. Anh Trần Văn R, sinh năm: 1991;

3. Chị Trần Ngọc Q, sinh năm 2007.

Người đại diện hợp pháp cho chị Q là ông Trần Văn C (cha ruột).

4. Anh Trần Văn B, sinh năm:1970;
5. Anh Trần Hoàng G1, sinh năm:1973;
6. Chị Trần Thị B1, sinh năm:1963;
7. Chị Trần Thị Nh, sinh năm:1980;
8. Chị Trần Thị Đ, sinh năm:1974;
9. Chị Trần Thị L, sinh năm: 1962;

Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

10. Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp

Đại diện theo pháp luật là: Ông Huỳnh Văn N, chức vụ Quyền chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Văn Đ2 - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn G.

(Ông C có mặt; bị đơn anh B có mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ch, anh R, anh G1, chị B1, chị Nh, chị Đ, chị L vắng mặt; ông Đ2 có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông nội Trần Văn C1 để lại cho ông Trần Văn Đ1 (cha ông C), ông Đ1 cất nhà ở và sử dụng đất từ trước năm 1975, năm 1990 khi ông C lập gia đình, ông Đ1 để lại nhà đất cho gia đình ông C sử dụng cho đến nay. Tháng 02/2017 nhà ông C bị hư hỏng nặng nên tháo dỡ để sửa chữa lại thì ông Trần Văn G ngăn cản, cho rằng đất này ông G đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên không cho ông C sửa chữa nhà. Hiện nay trên phần đất tranh chấp này có căn nhà của ông C đã tháo dỡ, che mái ở tạm có kết cấu khung gỗ tre, sàn gỗ tạp, vách gỗ tạp, mái tol sóng tròn, diện tích nhà là 35,77m²; Sàn nước BTCT diện tích là 4m²; Lưới B40 trụ thép cao 1,5m x 6,3m = 9.45m²; 01 (một) cây táo loại A; 01 (một) cây mai đường kính 5cm. Các thành viên trong hộ của ông C gồm: Ông C, bà Ch, anh R và chị Q, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo.

Nay ông Trần Văn C yêu cầu hộ ông Trần Văn G phải chuyển quyền sử dụng đất cho ông C diện tích 81,7m²(ONT) thuộc một phần thửa 2553 tờ bản đồ số 02, nay là một phần thửa số 01, tờ bản đồ số 43 do hộ ông Trần Văn G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01931, ngày 15/12/2017.

- *Bị đơn ông Trần Văn G ủy quyền cho ông Trần Văn B trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha Trần Văn C1, mẹ Quách Thị S thuê của ông Út L1 thời gian trước năm 1975, sau đó cha mẹ ông G có xây dựng 01 căn nhà tre lá để ở và Cha cho các con 01 phần đất để sử dụng, trong đó có phần đất hiện nay đang tranh chấp giao cho ông Trần Văn Đ1 sử dụng (ông Đ1 là anh ruột

của ông G và là cha của ông C), không nhớ thời gian nào. Khi đó ông Đ1 cất nhà cây tạp, lợp lá để ở, sau đó ông Đ1 dỡ nhà này bán đi và cất lại nhà tre lá như hiện nay và khi ông Đ1 chết giao lại cho ông C sử dụng.

Vào trước năm 1975 ông G có thỏa thuận với chủ đất cũ là ông Út L1 để nhận chuyển nhượng lại phần đất này, lúc nhận chuyển nhượng chỉ thỏa thuận miệng, không có làm giấy tờ với giá là 4000đ/01mẫu, ông G được Chính quyền Việt Nam Cộng Hòa cấp giấy chứng thư quyền sở hữu thửa số 0240M, tờ thứ 35B, diện tích là 01ha10, tọa lạc xã Tân Huệ, tỉnh Kiên Phong, mã số 432-02-09, ngày 16/3/1971.

Năm 1992 ông làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất được Ủy ban huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có thửa 468, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.872m²(TC). Đến năm 2006 thì ông G chuyển nhượng một phần thửa 468 cho bà Trần Thị L diện tích 437m² (thửa mới 2552, tờ bản đồ số 02), phần còn lại của thửa 468 của ông G được lập thành thửa mới 2553, tờ bản đồ số 02 diện tích 1.435m²(ONT), được Ủy ban huyện cấp lại cho hộ ông G, giấy chứng QSD đất số H386/A4, ngày 27/9/2006, thành viên hộ gia đình của ông gồm: Trần Văn G (chồng), Trần Thị R1 (vợ, chết), Trần Văn B, Trần Hoàng G1, Trần Thị B1, Trần Thị Đ, Trần Thị Nh.

Ông Trần Văn Đ1 sử dụng phần đất tranh chấp này thời gian nào ông G không nhớ, nhưng chỉ nhớ là trước năm 1975 và giao lại cho ông C sử dụng đến nay. Khi ông được chính quyền cũ cấp giấy chứng thư thì đã có nhà của ông Đ1 ở trên đất trước đó, sau khi ông nhận chuyển nhượng đất thì vẫn để cho ông Đ1 ở, ông có yêu cầu ông Đ1 di dời nhà trả đất, ông Đ1 nói ở hết xác nhà sẽ di dời đi trả đất, sau đó ông giao lại cho ông C sử dụng cho đến nay không di dời nhà đi.

Nay ông Trần Văn G không thống nhất theo yêu cầu của ông Trần Văn C buộc hộ ông G chuyển quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ số 43, diện tích 81,7m², tọa lạc xã T1, do hộ ông G đứng tên quyền sử dụng đất, yêu cầu hộ ông Trần Văn C di dời nhà và cây cối trả lại đất cho ông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Ch trình bày: Bà Ch là vợ của ông C, nhưng không có đăng ký kết hôn, có được 02 người con là Trần Văn R và Trần Ngọc Q. Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông nội chồng là ông Trần Văn C1 để lại cho cha chồng là ông Trần Văn Đ1, ông Đ1 để lại cho chồng là Trần Văn C sử dụng từ thời gian nào thì bà không biết, bà về nhà ông C sống từ năm 1990 cho đến nay, lúc đó ông Đ1 vẫn còn sống trong nhà. Lúc trước ngôi nhà của ông C ở là nhà tre lá, nền lót ván tạp, khi bà về ở thì có sửa chữa lại mái lợp tol, đến năm 2018 do nhà đã cũ nên bà và ông C dỡ nhà sửa chữa lại nhưng ông G không cho và ngừng lại cho đến nay.

Đối với việc tranh chấp đất giữa ông C và ông G, bà yêu cầu được tiếp tục sử dụng đất, không thống nhất di dời nhà trả đất, thống nhất giao cho ông C toàn quyền quyết định, thống nhất cho ông C được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông C.

2. Anh Trần Văn R trình bày: Anh là con ruột của ông Trần Văn C, hiện nay vẫn sống chung nhà với ông C, nguồn gốc đất tranh chấp anh không biết, chỉ biết từ lúc sinh ra cho đến nay anh ở trong nhà trên phần đất tranh chấp hiện nay.

Việc ông C tranh chấp đất với ông G, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì, thống nhất giao cho ông C toàn quyền quyết định, nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông C, thì thống nhất cho ông C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu của ông G buộc gia đình anh R di dời nhà trả đất thì anh không có ý kiến, nếu ông C thống nhất di dời thì anh thống nhất theo ý kiến của ông C.

3. Anh Trần Văn B, anh Trần Hoàng G1, chị Trần Thị B1, chị Trần Thị Nh, chị Trần Thị Đ, chị Trần Thị L trình bày: Cha là Trần Văn G, mẹ là Trần Thị R1 (chết), nguồn gốc đất tranh chấp là của ông G mua rất lâu, không nhớ năm nào, có nghe ông G nói là cho ông Trần Văn Đ1 cất nhà ở đến hết đời của ông Đ1 sẽ trả đất lại cho ông G, nhưng sau đó ông Đ1 chết và giao đất lại cho ông C sử dụng cho đến nay, ông G có yêu cầu ông C di dời nhà trả đất nhưng ông C không đồng ý.

Nay ông C và ông G tranh chấp đất, các ông bà không có ý kiến hay yêu cầu gì, thống nhất giao cho ông G toàn quyền quyết định, không có khiếu nại hay tranh chấp về sau.

4. Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình trình bày: Trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ của ông Trần Văn G có đảm bảo đúng trình tự thủ tục hay không đề nghị Tòa án xem xét. Khi cấp giấy cho ông G có nhà của ông C hay không đề nghị Tòa án yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, không có kiểm tra hiện trạng đất, không có ghi nhận ý kiến của ông C. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2018/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình đã xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C đối với hộ của ông Trần Văn G, về việc ông Trần Văn C yêu cầu hộ ông Trần Văn G chuyển quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn C.

Buộc ông Trần Văn G, anh Trần Văn B, anh Trần Hoàng G1, chị Trần Thị B1, chị Trần Thị Nh, chị Trần Thị Đ, chị Trần Thị L phải chuyển quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa 2553 tờ bản đồ số 02, nay thuộc một phần thửa số 01, tờ bản đồ số 43, diện tích 81,7m²(ONT), đất tọa lạc tại xã T1, huyện Thanh Bình, do hộ ông Trần Văn G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CL 649931, số vào sổ CS01931, ngày 15/12/2017 cho ông Trần Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Kèm Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và Sơ đồ đo đạc, thẩm định tại chỗ ngày 21/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự được quyền đến các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký, điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất theo bản án đã tuyên.

2/ Về Chi phí tố tụng:

- Ông Trần Văn G, anh Trần Văn B, anh Trần Hoàng G1, chị Trần Thị B1, chị Trần Thị Nh, chị Trần Thị Đ, chị Trần Thị L có trách nhiệm liên đới chịu 1.392.000đ (*Một triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) chi phí định giá tài sản, tổng cộng là 1.892.000đ (*Một triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng*).

- Ông Trần Văn G, anh Trần Văn B, anh Trần Hoàng G1, chị Trần Thị B1, chị Trần Thị Nh, chị Trần Thị Đ, chị Trần Thị L có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Trần Văn C tiền chi phí tố tụng là 1.892.000đ (*Một triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng*), do ông Trần Văn C đã nộp và chi xong.

3/ Về án phí:

- Anh Trần Văn B, anh Trần Hoàng G1, chị Trần Thị B1, chị Trần Thị Nh, chị Trần Thị Đ, chị Trần Thị L có trách nhiệm liên đới chịu 257.000đ (*Hai trăm, năm mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Văn G được miễn toàn bộ số tiền 43.000đ (*Bốn mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp là 1000.000đ (*Một triệu đồng*) theo biên lai số BO/2014 - 02429 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Ngày 10/6/2019 ông G kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh B phát biểu: Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông G, sửa bản án sơ thẩm buộc hộ ông C di dời nhà, tài sản trả lại đất cho ông G.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông C phát biểu: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông G. Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đại diện UBND huyện Thanh Bình có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

- Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ch, anh R, anh G1, chị B1, chị Nh, chị Đ, chị L vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Xét kháng cáo của ông G cho rằng đất tranh chấp là của ông nhận chuyển nhượng của ông Út L1 (đã chết) nên ông G yêu cầu hộ ông C di dời nhà, tài sản trả lại đất cho ông G, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Xét thấy phần đất tranh chấp là của ông Trần Văn C1, bà S quản lý, sử dụng và cho ông Trần Văn Đ1, sau đó ông Đ1 giao đất lại cho ông C quản lý sử dụng cất nhà ở từ trước năm 1975 cho đến nay. Đất là do ông C1 thuê của ông Út L1, năm 1971 ông G nhận chuyển nhượng từ ông Út L1 và được cấp giấy chứng thư quyền sở hữu của chế độ cũ, nhưng ông G thừa nhận ông Đ1 ở trên đất từ trước năm 1975, sau đó ông Đ1 giao lại đất cho hộ của ông C sử dụng đến nay, đã qua nhiều giai đoạn cải tạo, sửa chữa nhà, sửa đổi chính sách luật đất đai. Căn cứ vào Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ của ông G vào năm 1992 và 2006, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G đã có nhà của ông C ở trên đất nhưng Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình không có đo đạc, không kiểm tra hiện trạng, không ghi nhận ý kiến của ông C. Từ đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ của ông G là không đúng đối tượng sử dụng đất và thuộc trường hợp bị thu hồi theo quy định. Hiện nay ông C không có đất ở nào khác tại địa phương, hộ gia đình thuộc diện cận nghèo. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của ông C, thu hồi phần diện tích thực đo là 81,7m² thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ số 43, đất tọa lạc xã T1, huyện Thanh Bình do ông G đứng tên QSD đất để cho hộ ông C được quyền sử dụng diện tích đất 81,7m².

Đối với yêu cầu của ông G yêu cầu hộ gia đình của ông C di dời nhà, cây cối trả đất, vì hiện nay các con của ông G đã lớn không có đất ở, trước đây chỉ cho ông Đ1 ở tạm trên đất là không có cơ sở chấp nhận do hiện nay hộ gia đình ông C thuộc diện hộ cận nghèo, không đủ điều kiện kinh tế để nhận chuyển nhượng đất khác, đồng thời hộ ông C đã sử dụng, cất nhà ở tại phần đất này ổn định lâu dài nên được công nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp. Do đó, xét thấy kháng cáo của ông G không có cơ sở nên không chấp nhận.

Từ các cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông G, giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung, sửa lại cách tuyên án.

Ông G phải chịu án phí phúc thẩm nhưng được miễn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Trần Văn G.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C.

Buộc hộ của ông Trần Văn G (các thành viên trong hộ gồm ông Trần Văn G, anh Trần Văn B, anh Trần Hoàng G1, chị Trần Thị B1, chị Trần Thị Nh, chị Trần Thị Đ, chị Trần Thị L) phải giao quyền sử dụng đất diện tích 81,7m²(ONT), thuộc một phần thửa số 01, tờ bản đồ số 43, đất tọa lạc tại xã T1, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp cho hộ ông Trần Văn C (các thành viên trong hộ gồm ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị Ch, anh Trần Văn R và Trần Ngọc Q).

Hộ ông Trần Văn C (các thành viên trong hộ gồm ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị Ch, anh Trần Văn R và Trần Ngọc Q) được quyền sử dụng đất diện tích 81,7m²(ONT), thuộc một phần thửa số 01, tờ bản đồ số 43, đất tọa lạc tại xã T1, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp thu hồi, quyền sử dụng đất diện tích 81,7m² (ONT), thuộc một phần thửa số 01, tờ bản đồ số 43, đất tọa lạc tại xã T1, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ của ông Trần Văn G (các thành viên trong hộ gồm ông Trần Văn G, anh Trần Văn B, anh Trần Hoàng G1, chị Trần Thị B1, chị Trần Thị Nh, chị Trần Thị Đ, chị Trần Thị L) vào ngày 15/12/2017, để cấp quyền sử dụng đất lại cho hộ ông Trần Văn C (các thành viên trong hộ gồm ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị Ch, anh Trần Văn R và Trần Ngọc Q).

Hộ ông Trần Văn G (các thành viên trong hộ gồm ông Trần Văn G, anh Trần Văn B, anh Trần Hoàng G1, chị Trần Thị B1, chị Trần Thị Nh, chị Trần Thị Đ, chị Trần Thị L) và hộ ông Trần Văn C (các thành viên trong hộ gồm ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị Ch, anh Trần Văn R và Trần Ngọc Q) được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và Sơ đồ đo đạc, thẩm định tại chỗ ngày 21/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình).

2/ Về chi phí tố tụng: Anh Trần Văn B, anh Trần Hoàng G1, chị Trần Thị B1, chị Trần Thị Nh, chị Trần Thị Đ, chị Trần Thị L có trách nhiệm liên đới chịu 1.392.000đ (*Một triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) chi phí định giá tài sản, tổng cộng là 1.892.000đ (*Một triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng*), để trả lại cho ông Trần Văn C (do ông C đã nộp và Ch xong).

3/ Về án phí:

- Anh Trần Văn B, anh Trần Hoàng G1, chị Trần Thị B1, chị Trần Thị Nh, chị Trần Thị Đ, chị Trần Thị L có trách nhiệm liên đới chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Văn G được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm. Ông G được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (do Trần Văn B nộp thay) theo biên lai số 03771 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

- Ông Trần Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) theo biên lai số BO/2014 - 02429 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện Thanh Bình;
- Ch cục THADS huyện Thanh Bình;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thông